

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN LIZEN

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|--------------|
| 1. Báo cáo của Ban Điều hành | 02 - 06 |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 07 - 08 |
| 3. Bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 09 - 10 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 11 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 12 |
| 6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 13 - 74 |



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Lizen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Lizen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302310209 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hiện nay Công ty đang đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Mã chứng khoán : LCG

Vốn điều lệ : 1.950.911.700.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

Điện thoại : 08.38411375

Fax : 08.38411376

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thi công xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Gia công, chế tạo cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp;
- Sàn giao dịch bất động sản (thực hiện theo Luật Kinh doanh bất động sản).

4. Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|--------------------------------|--------------|----------|------------|
| Ông Bùi Dương Hùng | Chủ tịch | | |
| Ông Tăng Quốc Thuộc | Phó Chủ tịch | | |
| Ông Budiman Satrio Sudono Liem | Thành viên | | |

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Phan Ngọc Hiếu | Thành viên |
| Ông Dương Kim Ngọc | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa | Thành viên |

4.2. Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|------------|
| Ông Phan Ngọc Hiếu | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa | Thành viên |

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|----------------------|-------------------|------------|------------|
| Ông Cao Ngọc Phương | Tổng Giám đốc | | |
| Ông Phí Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc | | |
| Bà Lê Thị Phương Nam | Phó Tổng Giám đốc | | |
| Ông Bành Văn Anh | Phó Tổng Giám đốc | 13/05/2024 | |
| Ông Nguyễn Văn Việt | Phó Tổng Giám đốc | 13/05/2024 | |
| Ông Đỗ Văn Hương | Kế toán trưởng | 13/05/2024 | |
| Ông Nguyễn Văn Việt | Kế toán trưởng | | 13/05/2024 |

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----|--|---|--|---------------|------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | Số 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Năng lượng tái tạo. | 97,00% | 97,00% | 97,00% | 97,00% | 97,00% | 97,00% |
| 2 | Công ty TNHH xây dựng và Thương mại 12 | 21/3C Khu phố 4, P. Hiệp Thành, quận 12, TP.HCM | Thi công công trình xây dựng và thi công bất động sản. | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% |
| 3 | Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | Số 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Thi công công trình xây dựng. | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% |

Công ty Cổ phần Lizen

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----|--|--|---|---------------|------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 4 | Công ty CP Đầu tư Tiện ích Licogi 16 | Số 24A Phan Đăng Luru, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. | 75,00% | 75,00% | 75,00% | 75,00% | 75,00% | 75,00% |
| 5 | Công ty CP Bất động sản Lize | Số 24A Phan Đăng Luru, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Kinh doanh BDS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% |
| 6 | Công ty Cổ phần Điện mặt trời Chư Ngọc | QL25, Buôn B'Lang, Xã Chư Ngọc, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai | Sản xuất điện. | 98,00% | 98,00% | 98,00% | 98,00% | 98,00% | 98,00% |

Các Công ty liên doanh, liên kết

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----|--|---|-------------------------------------|---------------|------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông | Áp 8, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. | Kinh doanh nhiên liệu sinh học | 22,00% | 22,00% | 22,00% | 22,00% | 22,00% | 22,00% |
| 2 | Công ty CP Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị | Tầng 11, tòa nhà Thăng Long tại số 98A Nguyễn Như Kôn Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội | Đầu tư xây dựng công trình cao tốc. | 35,83% | 35,83% | 35,83% | 35,83% | 35,83% | 35,83% |
| 3 | Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn | Tầng 16, Tháp văn phòng, Tòa nhà 265 Cầu Giấy, TP. Hà Nội. | Đầu tư xây dựng công trình cao tốc. | 22,55% | 16,87% | 22,55% | 16,87% | 22,55% | 16,87% |

Các đơn vị không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----|--|---|
| 1 | Xí nghiệp Xây dựng 16-1 (*) | 49B Phan Đăng Luru, P.07, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh |
| 2 | Chi nhánh Công ty CP Licogi 16 – Xí nghiệp Xây lắp điện (*) | 49B Phan Đăng Luru, P.07, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh |
| 3 | Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng Lizen – Chi nhánh Công ty CP Lizen | Thôn Nà Phước, Xã Vân Thủy, Huyện Chi Lăng, Lạng Sơn |
| 4 | Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Licogi (*) | Khu trung tâm số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, Phường Trúc Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Thanh Hoá |
| 5 | Văn phòng đại diện Công ty CP Lizen tại Khánh Hòa | Thôn Xuân Tự 2, Xã Vạn Hưng, Huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa |

(*) Các đơn vị không còn hoạt động, Công ty đang làm thủ tục đóng mã số thuế.

6. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Cao Ngọc Phương – Tổng Giám đốc Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty từ trang 09 đến trang 74.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

– Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số 335/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết.

– Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty CP Lizen, Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi-16 và Ông Bùi Dương Hùng sẽ chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai cho Công ty CP SP Việt Nam Miền Nam, Công ty CP SP Hồ Chí Minh và Công ty CP SP Việt Nam Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 297.570.000.000 VND. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước ngày 30 tháng 9 năm 2024. Chi phí hủy hợp đồng (nếu có) với số tiền 73.120.000.000 VND.

– Nghị quyết số 08/NQ-LIZEN-HDQT ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc thông qua chủ trương dừng đầu tư, lên kế hoạch thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư tiện ích Licogi 16 và Dự án Nhà máy nước Đông Nam Quảng Trị của Công ty CP Cấp nước Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và



do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty đính kèm. Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

TM. Ban Điều hành



CAO NGỌC PHƯƠNG
Tổng Giám đốc



Số: 2450/24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN LIZEN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lizen (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024, từ trang 09 đến trang 74, bao gồm Bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

303
C
ÁCH
M TC
HU
S - 7

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lizen tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Lizen cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được Doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 29 tháng 8 năm 2023.
- Phạm vi của Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Lizen tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty với Công ty con không thuộc phạm vi của báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1523-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TỔNG HỢP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 4.247.944.977.008 | 4.370.093.348.767 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 324.537.788.782 | 724.945.861.604 |
| 111 | 1. Tiền | | 286.517.788.782 | 477.925.861.604 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 38.020.000.000 | 247.020.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 200.914.673.308 | 22.563.391.109 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.2a | 200.914.673.308 | 22.563.391.109 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.019.532.075.865 | 2.286.955.093.588 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.3 | 1.332.351.270.239 | 1.717.263.392.597 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.4 | 543.628.132.767 | 442.468.858.819 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | V.5a | 61.804.141.778 | 52.445.622.764 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.6a | 231.183.592.790 | 212.884.712.446 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | V.7 | (149.435.061.709) | (138.107.493.038) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.8 | 1.662.217.584.836 | 1.304.560.193.185 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 1.694.636.588.400 | 1.328.778.611.638 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (32.419.003.564) | (24.218.418.453) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 40.742.854.217 | 31.068.809.281 |
| 152 | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 40.742.854.217 | 31.068.809.281 |
| 200 | B- TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.901.540.871.322 | 1.635.261.224.741 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 80.664.510.872 | 61.310.542.145 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | V.5b | 12.225.621.674 | 8.316.972.059 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | V.6b | 68.438.889.198 | 52.993.570.086 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 466.487.375.447 | 376.166.357.207 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.10 | 101.497.332.324 | 119.371.152.017 |
| 222 | - Nguyên giá | | 543.958.039.862 | 535.478.316.797 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (442.460.707.538) | (416.107.164.780) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | V.11 | 364.990.043.123 | 256.795.205.190 |
| 225 | - Nguyên giá | | 489.865.085.081 | 347.089.146.333 |
| 226 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (124.875.041.958) | (90.293.941.143) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | V.12 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 10.254.240.000 | 10.254.240.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (10.254.240.000) | (10.254.240.000) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 73.693.179.703 | 73.693.179.703 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.13 | 73.693.179.703 | 73.693.179.703 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 1.220.375.447.014 | 1.063.265.421.211 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 514.052.590.000 | 514.052.590.000 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | V.2b | 740.347.763.758 | 212.758.733.758 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | V.2b | 107.111.760.000 | 485.558.790.000 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | V.2b | (154.636.666.744) | (151.004.692.547) |
| 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.2a | 13.500.000.000 | 1.900.000.000 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 60.320.358.286 | 60.825.724.475 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.9 | 22.390.559.141 | 27.052.492.549 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | V.14 | 37.929.799.145 | 33.773.231.926 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 6.149.485.848.330 | 6.005.354.573.508 |



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Bảng cân đối kế toán (tổng hợp) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | A- NỢ PHẢI TRẢ | | 3.531.905.815.020 | 3.467.458.066.285 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 3.329.978.910.148 | 3.252.568.811.792 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.15 | 771.761.568.221 | 703.842.631.761 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.16 | 1.268.054.132.223 | 1.450.034.613.512 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.17 | 61.142.608.911 | 42.741.055.455 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.18 | 12.937.604.173 | 12.452.771.666 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.19 | 164.412.201.899 | 241.192.120.127 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.20a | 173.489.801.635 | 161.617.980.851 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.21a | 819.204.190.113 | 581.973.691.009 |
| 321 | 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | V.22 | 206.304.500 | - |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.23 | 58.770.498.473 | 58.713.947.411 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 201.926.904.872 | 214.889.254.493 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | V.20b | 883.000.000 | 12.242.236.592 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.21b | 201.043.904.872 | 202.404.397.901 |
| 342 | 3. Dự phòng phải trả dài hạn | | - | 242.620.000 |
| 400 | B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.617.580.033.310 | 2.537.896.507.223 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.24 | 2.617.580.033.310 | 2.537.896.507.223 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 1.950.911.700.000 | 1.916.411.700.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.950.911.700.000 | 1.916.411.700.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 93.475.603.494 | 93.686.603.494 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ (*) | | (18.771.380.000) | (18.771.380.000) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 119.204.302.363 | 119.204.302.363 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 472.759.807.453 | 427.365.281.366 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 422.184.550.304 | 313.009.341.167 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 50.575.257.149 | 114.355.940.199 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 6.149.485.848.330 | 6.005.354.573.508 |

Tp.HCM, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người lập biểu

PHAN ANH HUY

Kế toán trưởng

ĐỖ VĂN HƯƠNG

Tổng Giám đốc

CAO NGỌC PHƯƠNG

AMH * H.H.C * M.S.C

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

ĐVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2024 | 6 tháng đầu năm 2023 |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 1.034.148.821.234 | 690.942.128.412 |
| 03 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.034.148.821.234 | 690.942.128.412 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 928.344.446.664 | 606.528.294.905 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 105.804.374.570 | 84.413.833.507 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 32.048.600.947 | 11.206.505.252 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 36.183.096.869 | 28.572.555.477 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 28.938.397.378 | 24.136.446.344 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.5 | 38.358.729.129 | 23.823.313.822 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 63.311.149.519 | 43.224.469.460 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.6 | 1.609.058.243 | 4.920.428.548 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.7 | 271.405.528 | 17.156.181 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 1.337.652.715 | 4.903.272.367 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 64.648.802.234 | 48.127.741.827 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | VI.8 | 18.230.112.304 | 10.693.882.243 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | VI.9 | (4.156.567.219) | (985.617.248) |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 50.575.257.149 | 38.419.476.832 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | VI.10 | | |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | VI.10 | | |

Tp.HCM, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người lập biểu

PHAN ANH HUY

Kế toán trưởng

ĐỖ VĂN HƯƠNG

Tổng Giám đốc

CAO NGỌC PHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TỔNG HỢP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

ĐVT: VNĐ

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2024 | 6 tháng đầu năm 2023 |
|-------|--|-------------|--------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 64.648.802.234 | 48.127.741.827 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 110.637.013.737 | 66.875.760.590 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | V.10-V.12 | 60.934.643.573 | 49.069.978.671 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | V.7-V.2b | 23.160.127.979 | 3.333.688.827 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 61.426.186 | 1.542.152.000 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (2.457.581.379) | (11.206.505.252) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 28.938.397.378 | 24.136.446.344 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 175.285.815.971 | 115.003.502.417 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 96.858.381.388 | (290.071.522.960) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | V.8 | (365.857.976.762) | (50.594.708.244) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | (193.459.289.844) | 192.643.112.159 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | V.8 | 4.661.933.408 | (19.259.952.255) |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (26.747.458.131) | (21.294.529.220) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.17 | - | - |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (5.124.180.000) | (923.475.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (314.382.773.970) | (74.497.573.103) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (6.103.323.065) | (836.794.000) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | V.2a | (217.877.766.372) | (435.043.136.312) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | V.2a | 14.659.315.544 | 300.350.000.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (149.142.000.000) | (212.830.990) |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 136.543.640.000 |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | V.6a-VI.3 | 2.172.684.441 | 3.467.442.664 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (356.291.089.452) | 4.268.321.362 |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 34.500.000.000 | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | 817.772.999.451 | 479.533.075.678 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | (518.559.070.443) | (326.157.983.316) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (63.343.922.933) | (30.121.341.518) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | V.20a-V.24 | (104.215.475) | (126.377.546.820) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 270.265.790.600 | (3.123.795.976) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | (400.408.072.822) | (73.353.047.717) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 724.945.861.604 | 97.523.759.368 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | V.1 | 324.537.788.782 | 24.170.711.651 |

Người lập biểu



PHAN ANH HUY

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN HƯƠNG



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Lizen.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lizen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hạ tầng giao thông, bất động sản, năng lượng tái tạo và xây dựng dân dụng – công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thi công xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Gia công, chế tạo cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp;
- Sàn giao dịch bất động sản (thực hiện theo Luật Kinh doanh bất động sản).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Lợi nhuận trước thuế tăng 34,3% do ảnh hưởng của các đặc điểm hoạt động sau:

- Một số công trình lớn đã thực hiện xong và nghiệm thu theo từng giai đoạn nên doanh thu năm nay tăng 49,7% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng do Công ty nhận được khoản lãi chậm thanh toán với số tiền 29.591.019.568 VND.

Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 11.327.568.671 VND (cùng kỳ năm trước với số tiền 440.258.464 VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----|--|--|---|---------------|------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | Số 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Năng lượng tái tạo. | 97,00% | 97,00% | 97,00% | 97,00% | 97,00% | 97,00% |
| 2 | Công ty TNHH xây dựng và Thương mại 12 | 21/3C Khu phố 4, P. Hiệp Thành, quận 12, TP.HCM | Thi công công trình xây dựng và thi công bất động sản. | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% |
| 3 | Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | Số 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Thi công công trình xây dựng. | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% |
| 4 | Công ty CP Đầu tư Tiện ích Licogi 16 | Số 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. | 75,00% | 75,00% | 75,00% | 75,00% | 75,00% | 75,00% |
| 5 | Công ty CP Bất động sản Lize | Số 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. | Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% | 95,00% |
| 6 | Công ty Cổ phần Điện mặt trời Chư Ngọc | QL25, Buôn B'Lang, Xã Chư Ngọc, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai | Sản xuất điện. | 98,00% | 98,00% | 98,00% | 98,00% | 98,00% | 98,00% |

Các Công ty liên doanh, liên kết

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----|--|---|-------------------------------------|---------------|------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông | Ấp 8, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. | Kinh doanh nhiên liệu sinh học | 22,00% | 22,00% | 22,00% | 22,00% | 22,00% | 22,00% |
| 2 | Công ty CP Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị | Tầng 11, tòa nhà Thăng Long tại số 98A Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội | Đầu tư xây dựng công trình cao tốc. | 35,83% | 35,83% | 35,83% | 35,83% | 35,83% | 35,83% |
| 3 | Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn | Tầng 16, Tháp văn phòng, Tòa nhà 265 Cầu Giấy, TP. Hà Nội. | Đầu tư xây dựng công trình cao tốc. | 22,55% | 16,87% | 22,55% | 16,87% | 22,55% | 16,87% |

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----|--|---|
| 1 | Xí nghiệp Xây dựng 16-1 (*) | 49B Phan Đăng Lưu, P.07, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh |
| 2 | Chi nhánh Công ty CP Licogi 16 – Xí nghiệp Xây lắp điện (*) | 49B Phan Đăng Lưu, P.07, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh |
| 3 | Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng Lizen – Chi nhánh Công ty CP Lizen | Thôn Nà Phước, Xã Vân Thủy, Huyện Chi Lăng, Lạng Sơn |
| 4 | Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Licogi (*) | Khu trung tâm số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, Phường Trúc Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Thanh Hoá |
| 5 | Văn phòng đại diện Công ty CP Lizen tại Khánh Hòa | Thôn Xuân Tự 2, Xã Vạn Hưng, Huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa |

(*) Các đơn vị không còn hoạt động, Công ty đang làm thủ tục đóng mã số thuế. Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 không bao gồm các đơn vị này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 647 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 557 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Theo đó, bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này là báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn công ty, trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu

33128
CÔNG
CH NHIE
TOÁN
HUÂN
TP.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

175-
3 TY
M HUU
VA TU
VI
HO C

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí bảo lãnh

Chi phí bảo lãnh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Máy móc, thiết bị 03 – 08 năm

Phương tiện vận tải 06 – 10 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý 03 – 07 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 – 08 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định Số năm

Máy móc và thiết bị 03 – 08 năm

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Số năm

Phương tiện vận tải

04 – 10 năm

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Quỹ lương

Quỹ lương được trích theo hợp đồng lao động.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là hàng hóa bất động sản

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

3128
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
IUAN
TP. H

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

+ Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

- + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của Ngân hàng nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| STT | Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----|---|------------------------|------------------------|
| 1.1 | Tiền mặt | 49.562.591 | 49.897.962 |
| 1.2 | Tiền gửi ngân hàng ⁽¹⁾ | 286.468.226.191 | 477.875.963.642 |
| 1.3 | Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾ | 38.020.000.000 | 247.020.000.000 |
| | - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 38.020.000.000 | 247.020.000.000 |
| | Cộng | 324.537.788.782 | 724.945.861.604 |

⁽¹⁾ Khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn bị phong tỏa để đảm bảo cho các khoản vay với số tiền 1.638.000.000 VND (xem thuyết minh số V.21) và bị phong tỏa để sử dụng cho các hoạt động xây dựng của Công ty với số tiền 72.733.390.178 VND.

⁽²⁾ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Anh được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho hiệu suất dự án Điện mặt trời Vạn Ninh trong vòng 05 năm kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 với số tiền 6.020.000.000 VND.

Tiền gửi ngân hàng:

| STT | Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----|--|------------|-----------------|------------|-----------------|
| | | USD | VND | USD | VND |
| 1 | Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TPHCM | | 212.935.332.480 | | 306.243.420.090 |
| 2 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn | | 72.733.390.178 | | 148.138.463.470 |
| 3 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé (USD) | 101,71 | 2.117.394 | 101,71 | 2.117.394 |
| 4 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé (VND) | | 537.307 | | 701.633 |
| 5 | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Đông Sài Gòn | | 31.771.858 | | 23.007.171.990 |
| 6 | Ngân hàng TMCP Công Thương - CN TPHCM | | 1.007.650 | | 1.006.645 |
| 7 | Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Phú Thọ | | 53.173.927 | | 53.120.930 |
| 8 | Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Nam Thăng Long | | 5.151.496 | | 5.146.362 |
| 9 | Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Khánh Hòa | | 504.129.599 | | - |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | | | |
|----|--|---------------|------------------------|---------------|------------------------|
| 10 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | | 11.998.107 | | 11.966.106 |
| 11 | Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đông Anh - Hà Nội | | 22.246.690 | | 57.611.773 |
| 12 | Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I | | 43.904.949 | | 43.883.062 |
| 13 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | | 67.353 | | 67.353 |
| 14 | Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM | | 82.683.302 | | 82.683.302 |
| 15 | Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình | | 26.095.228 | | 26.082.435 |
| 16 | Ngân hàng TMCP Á Châu | | 5.673.900 | | 5.673.900 |
| 17 | Các tài khoản ngân hàng khác tại các đơn vị trực thuộc | | 8.944.773 | | 196.847.197 |
| | Cộng | 101,71 | 286.468.226.191 | 101,71 | 477.875.963.642 |

Các khoản tương đương tiền:

| STT | Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----|---|-----------------------|------------------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn | 32.000.000.000 | 121.000.000.000 |
| 2 | Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đông Anh | 6.020.000.000 | 6.020.000.000 |
| 3 | Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP.HCM | - | 120.000.000.000 |
| | Cộng | 38.020.000.000 | 247.020.000.000 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 200.914.673.308 | 200.914.673.308 | 22.563.391.109 | 22.563.391.109 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 10.963.391.109 | 10.963.391.109 | 22.563.391.109 | 22.563.391.109 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tp.HCM | 963.391.109 | 963.391.109 | 12.563.391.109 | 12.563.391.109 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đông Anh - Hà Nội | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn khác | 189.951.282.199 | 189.951.282.199 | - | - |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

30312
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
M. TOÁN
:HU
S - TP.

Công ty Cổ phần Lizen
Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai ⁽¹⁾ | 189.951.282.199 | 189.951.282.199 | - | - |
| Dài hạn | 13.500.000.000 | 13.500.000.000 | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 11.600.000.000 | 11.600.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tp.HCM | 11.600.000.000 | 11.600.000.000 | - | - |
| Trái phiếu ⁽²⁾ | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 |
| Cộng | 214.414.673.308 | 214.414.673.308 | 24.463.391.109 | 24.463.391.109 |

⁽¹⁾ Công ty sở hữu 11.862.396 cổ phần (tương đương 96,64% vốn điều lệ) tại Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai.

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty CP Lizen, Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 và Ông Bùi Dương Hùng sẽ chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai cho Công ty CP SP Việt Nam Miền Nam, Công ty CP SP Hồ Chí Minh và Công ty CP SP Việt Nam Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 297.570.000.000 VND. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước ngày 30 tháng 9 năm 2024. Chi phí hủy hợp đồng (nếu có) với số tiền 73.120.000.000 VND.

⁽²⁾ Trái phiếu sở hữu với mã trái phiếu BID2_19.05 ngày 26 tháng 9 năm 2019.

- Số lượng: 190 trái phiếu
- Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu
- Kỳ hạn: 10 năm
- Lãi suất: Lãi suất thả nổi có điều chỉnh định kỳ, tiền lãi trả định kỳ một năm một lần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tp.HCM được sử dụng để thế chấp cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền 12.563.391.109 VND.

8175
CÔNG TY
ỆM HỮU
VÀ T
N VI
HỒ

Công ty Cổ phần Lizen
Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| STT | Chi tiêu | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|-----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng |
| | Đầu tư vào công ty con | 514.052.590.000 | 489.616.592.376 | (24.435.997.624) | 514.052.590.000 | 492.704.139.137 | (21.348.450.863) |
| 1 | Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 ⁽¹⁾ | 35.760.000.000 | 35.760.000.000 | - | 35.760.000.000 | 35.760.000.000 | - |
| 2 | Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 ⁽²⁾ | 85.878.880.000 | 80.544.786.282 | (5.334.093.718) | 85.878.880.000 | 81.928.710.397 | (3.950.169.603) |
| 3 | Công ty CP Dầu tư Hạ tầng Lizen ⁽³⁾ | 47.500.000.000 | 47.500.000.000 | - | 47.500.000.000 | 47.500.000.000 | - |
| 4 | Công ty CP Dầu tư Tiện ích Licogi 16 ⁽⁴⁾ | 75.000.000.000 | 56.220.787.852 | (18.779.212.148) | 75.000.000.000 | 57.601.718.740 | (17.398.281.260) |
| 5 | Công ty CP Bất động sản Lizen ⁽⁵⁾ | 142.500.000.000 | 142.177.308.242 | (322.691.758) | 142.500.000.000 | 142.500.000.000 | - |
| 6 | Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc ⁽⁶⁾ | 127.413.710.000 | 127.413.710.000 | - | 127.413.710.000 | 127.413.710.000 | - |
| | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 740.347.763.758 | 616.802.374.062 | (123.545.389.696) | 212.758.733.758 | 89.250.000.000 | (123.508.733.758) |
| 1 | Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông ⁽⁷⁾ | 123.508.733.758 | - | (123.508.733.758) | 123.508.733.758 | - | (123.508.733.758) |
| 2 | Công ty CP Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị ⁽⁸⁾ | 89.250.000.000 | 89.213.344.062 | (36.655.938) | 89.250.000.000 | 89.250.000.000 | - |
| 3 | Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn ⁽⁹⁾ | 527.589.030.000 | 527.589.030.000 | - | - | - | - |
| | Đầu tư vào đơn vị khác | 107.111.760.000 | 100.456.480.576 | (6.655.279.424) | 485.558.790.000 | 479.411.282.074 | - |
| 1 | Công Ty Cổ Phần BOT 38 ⁽¹⁰⁾ | 47.500.000.000 | 47.500.000.000 | - | 47.500.000.000 | 47.500.000.000 | - |
| 2 | Công ty CP Boo Phú Ninh ⁽¹¹⁾ | 59.611.760.000 | 52.956.480.576 | (6.655.279.424) | 59.611.760.000 | 53.464.252.074 | (6.147.507.926) |
| 3 | Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn ⁽⁹⁾ | - | - | - | 378.447.030.000 | 378.447.030.000 | - |
| | Cộng | 1.361.512.113.758 | 1.206.875.447.014 | (154.636.666.744) | 1.212.370.113.758 | 1.061.365.421.211 | (151.004.692.547) |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314975871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 09 tháng 4 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 02 năm 2024, vốn điều lệ đăng ký của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 là 75.000.000.000 VND, tương đương với 7.500.000 cổ phần.

Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 với số tiền là 72.750.000.000 VND, tương đương 7.275.000 cổ phần, chiếm 97% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ Công ty đã góp là 35.760.000.000 VND (tương đương 94% vốn điều lệ đã góp của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16), vốn điều lệ Công ty còn phải góp là 36.990.000.000 VND.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 có lãi.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301522507 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 13 tháng 11 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đăng ký của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 là 35.000.000.000 VND, tương đương với 3.500.000 cổ phần.

Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 với số tiền là 85.878.880.000 VND, tương đương 2.800.000 cổ phần, chiếm 80% vốn điều lệ (số đầu năm tương đương 80% vốn điều lệ), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích 80%.

Khoản dự phòng được lập căn cứ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12.

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314428117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 26 tháng 5 năm 2017, vốn điều lệ đăng ký của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 cổ phần.

Công ty đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen với số tiền là 47.500.000.000 VND, tương đương 4.750.000 cổ phần, chiếm 95% vốn điều lệ (số đầu năm tương đương 95% vốn điều lệ), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích 95%.

Trong kỳ, kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty lỗ. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty không có lỗ lũy kế.

(4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314686196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 18 tháng 10 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 05 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện Ích Licogi 16 là 100.000.000.000 VND, tương đương với 10.000.000 cổ phần.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện Ích Licogi 16 với số tiền là 75.000.000.000 VND, tương đương 7.500.000 cổ phần, chiếm 75% vốn điều lệ (số đầu năm tương đương 75% vốn điều lệ), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích 75%.

Khoản dự phòng được lập căn cứ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện Ích Licogi 16.

(5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315365773 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 01 tháng 11 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 6 năm 2022, vốn điều lệ đăng ký của Công ty Cổ phần Bất động sản Lizen là 150.000.000.000 VND, tương đương với 15.000.000 cổ phần.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Lizen với số tiền là 142.500.000.000 VND, tương đương 14.200.000 cổ phần, chiếm 95% vốn điều lệ (số đầu năm tương đương 95% vốn điều lệ), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích 95%.

Khoản dự phòng được lập căn cứ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Bất động sản Lizen.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

(6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901180879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 09 tháng 11 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 06 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đăng ký của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Chư Ngọc là 174.000.000.000 VND, tương đương với 17.400.000 cổ phần.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời Chư Ngọc với số tiền là 127.413.710.000 VND, tương đương 17.720.000 cổ phần, chiếm 98% vốn điều lệ (số đầu năm tương đương 98% vốn điều lệ), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích 98%.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc có lãi.

(7) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông với số tiền là 123.508.733.758 VND, chiếm 22% vốn điều lệ (vốn góp lũy kế đến đầu năm chiếm 22% vốn điều lệ).

Khoản dự phòng được lập căn cứ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông.

(8) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị với số tiền là 89.250.000.000 VND, chiếm 35,83% vốn điều lệ (vốn góp lũy kế đến đầu năm chiếm 35,83% vốn điều lệ).

Khoản dự phòng được lập căn cứ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty CP Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị.

(9) Là khoản đầu tư vào Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn với số tiền là 527.589.030.000 VND, chiếm 22,55% vốn điều lệ (vốn góp lũy kế đến đầu năm chiếm 15,79% vốn điều lệ).

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn có lãi.

(10) Là khoản đầu tư vào Công Ty Cổ Phần BOT 38 với số tiền là 47.500.000.000 VND, chiếm 19% vốn điều lệ (vốn góp lũy kế đến đầu năm chiếm 19% vốn điều lệ).

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty Cổ Phần BOT 38 có lãi.

(11) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Boo Phú Ninh với số tiền là 59.611.760.000 VND, chiếm 12,004% vốn điều lệ (vốn góp lũy kế đến đầu năm chiếm 12,004% vốn điều lệ).

Khoản dự phòng được lập căn cứ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty CP Boo Phú Ninh.

(*) *Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:*

– Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

– Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | (151.004.692.547) | (137.288.949.625) |
| Trích lập dự phòng | (3.631.974.197) | (2.893.430.363) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (154.636.666.744) | (140.182.379.988) |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch giữa Công ty với công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Công ty CP Bất động sản Lizen | | |
| Cho vay | 3.908.649.615 | 4.620.035.485 |
| Lãi cho vay phải thu | 471.499.130 | 154.929.409 |
| Phải thu khác | 1.133.649.615 | 1.432.866.475 |
| Đã thu khác | 1.133.649.615 | 1.432.866.475 |
| Góp vốn | - | 212.830.990 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng tái tạo Licogi 16 | | |
| Cho vay | 5.846.071.917 | - |
| Đã thu gốc cho vay | 9.959.315.544 | - |
| Lãi cho vay phải thu | 174.644.419 | - |
| Đi vay | - | 9.545.980.950 |
| Đã trả gốc đi vay | 11.844.957.964 | 6.121.778.559 |
| Lãi đi vay phải trả | 247.964.628 | 330.003.524 |
| Cần trừ lãi đi vay phải trả và lãi cho vay phải thu | 202.736.910 | - |
| Phải thu khác | 7.731.714.337 | 6.121.778.559 |
| Đã thu khác | 7.731.714.337 | 6.121.778.559 |
| Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 48.624.589.599 | - |
| Đã thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 54.767.629.164 | - |
| Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ | 23.623.189.118 | 35.048.567.414 |
| Đã trả mua hàng hóa, dịch vụ | 6.666.022.665 | 25.490.646.090 |
| Ứng trước cho nhà cung cấp | 12.170.012.482 | 9.545.980.950 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

33128
CÔNG
CH NHIỆ
TOÁN
HUẤN
TP.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12

| | | |
|--|---------------|-------------|
| Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.819.189.960 | - |
| Đã thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.626.070.675 | - |
| Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ | - | 103.600.000 |

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen

| | | |
|--------------------------------|---------------|----------------|
| Cho vay | 8.051.762.641 | - |
| Lãi cho vay phải thu | 401.961.613 | - |
| Phải thu khác | 1.358.548.387 | 90.335.057.473 |
| Đã thu khác | 1.358.548.387 | 90.335.057.474 |
| Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ | 3.681.407.934 | 79.632.325.561 |
| Đã trả mua hàng hóa, dịch vụ | 2.236.466.254 | 91.053.841.133 |
| Ứng trước cho nhà cung cấp | 546.379.000 | 1.896.135.779 |
| Cần trừ công nợ | - | 50.253.720 |

Công ty CP Đầu tư Tiện ích Licogi 16

| | | |
|---------------------|---------------|---------------|
| Đã trả gốc đi vay | 170.000.000 | 230.000.000 |
| Lãi đi vay phải trả | 1.257.057.531 | 1.260.178.081 |

Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc

| | | |
|---------------------|-------------|-------------|
| Lãi đi vay phải trả | 765.975.672 | 776.604.054 |
|---------------------|-------------|-------------|

Công ty CP Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

| | | |
|--------------|---|-----------------|
| Hoàn vốn góp | - | 125.750.000.000 |
|--------------|---|-----------------|

Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

| | | |
|--|-----------------|---|
| Phải thu tiền lãi chậm thanh toán BOT BGLS | 29.591.043.967 | - |
| Cần trừ nợ phải thu, tăng vốn góp | 149.142.000.000 | - |

Công ty không có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Công ty không có các cam kết vốn trong tương lai.

175 -
3 TY
M HỮU I
VÀ TU
VIỆ
HỒ C

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 215.391.757.871 | 310.475.225.229 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng tái tạo Licogi 16 | 5.971.017.781 | 15.503.259.182 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 | 49.860.310.241 | - |
| Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | 38.979.996.465 | 38.979.996.465 |
| Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông | 11.878.702.365 | 11.878.702.365 |
| Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn | 513.786.718 | 135.925.322.916 |
| Công Ty Cổ Phần BOT 38 | 28.293.236.718 | 28.293.236.718 |
| Công ty CP Boo Phú Ninh | 79.642.152.583 | 79.642.152.583 |
| Bùi Dương Hùng | 152.555.000 | 152.555.000 |
| Phí Ngọc Anh | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 1.116.959.512.368 | 1.406.788.167.368 |
| Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng AUS | 111.199.512.745 | 111.199.512.745 |
| Lưu Thị Bình Dân | 82.522.000.000 | 82.522.000.000 |
| Công ty CP Tập đoàn IPC | 76.668.777.869 | 131.410.153.181 |
| Công ty CP Xây dựng SCG | 74.211.783.642 | 72.736.608.350 |
| Các khách hàng khác | 772.357.438.112 | 1.008.919.893.092 |
| Cộng | 1.332.351.270.239 | 1.717.263.392.597 |

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để thế chấp khoản vay (xem thuyết minh V.21).



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | 107.861.285.848 | 92.746.688.893 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng tái tạo Licogi 16 | 21.267.225.403 | 18.385.916.238 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 | 21.754.485.670 | 21.754.485.670 |
| Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | 15.118.036.025 | 14.571.657.025 |
| Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông | 386.145.312 | 386.145.312 |
| Công ty CP AMECC GT | 49.335.393.438 | 37.648.484.648 |
| Trả trước cho các khách hàng khác | 435.766.846.919 | 349.722.169.926 |
| Công ty CP Teknos Việt Nam | 92.390.846.653 | 25.275.000.000 |
| Công ty CP ĐT XD và TM Quốc Tế (ICT) | 71.096.654.792 | 71.096.654.792 |
| Công ty CP ĐT Xây dựng ĐMA | 47.356.302.908 | 51.978.087.194 |
| Các nhà cung cấp khác | 224.923.042.566 | 201.372.427.940 |
| Cộng | 543.628.132.767 | 442.468.858.819 |

5. Phải thu về cho vay

5a Phải thu về cho vay ngắn hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 25.667.723.387 | 16.309.204.373 |
| Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | 12.891.756.085 | 4.839.993.444 |
| Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai | 12.775.967.302 | 7.355.967.302 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng tái tạo Licogi 16 | - | 4.113.243.627 |
| Phải thu các khách hàng khác | 36.136.418.391 | 36.136.418.391 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina 2 | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| Công ty CP Licogi 16.1 | 3.136.418.391 | 3.136.418.391 |
| Cộng | 61.804.141.778 | 52.445.622.764 |

Công ty không có các khoản cho vay ngắn hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Công ty Cổ phần Lizen
Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

5b Phải thu về cho vay dài hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 12.225.621.674 | 8.316.972.059 |
| Công ty CP Bất động sản Lizen | 12.225.621.674 | 8.316.972.059 |
| Cộng | 12.225.621.674 | 8.316.972.059 |

Công ty không có các khoản cho vay dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Phải thu khác

6a Phải thu ngắn hạn khác

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 2.254.111.168 | - | 961.324.793 | - |
| <i>Lãi dự thu</i> | 2.254.111.168 | - | 961.324.793 | - |
| - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | 436.657.424 | - | 34.695.811 | - |
| - Công ty CP ĐT Năng lượng tái tạo Licogi 16 | - | - | 28.092.491 | - |
| - Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai | 957.050.292 | - | 509.632.169 | - |
| - Công ty CP Bất động sản Lizen | 860.403.452 | - | 388.904.322 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 228.929.481.622 | 15.249.868.433 | 211.923.387.653 | 15.249.868.433 |
| <i>Tạm ứng của nhân viên</i> | 104.016.530.769 | 201.429.269 | 122.391.576.983 | 201.429.269 |
| <i>Ký quỹ ký cược</i> | 202.000.000 | - | 648.432.866 | - |
| <i>Lãi dự thu</i> | 8.752.651.331 | - | 9.760.540.768 | - |
| <i>Bảo hiểm xã hội</i> | 228.874.188 | - | 70.996.198 | - |
| Phải thu khác | 115.729.425.334 | 15.048.439.164 | 79.051.840.838 | 15.048.439.164 |
| - Công ty CP Licogi 16.1 | 13.830.963.676 | - | 13.830.963.676 | - |
| - Công ty CP Licogi 16 M&C | 9.855.891.968 | 9.855.891.968 | 9.855.891.968 | 9.855.891.968 |
| - Công ty CP Licogi 16.2 | 9.657.908.034 | 464.971.212 | 9.657.908.034 | 464.971.212 |
| - Tập đoàn Đèo Cả | 8.210.000.000 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 74.174.661.656 | 4.727.575.984 | 45.707.077.160 | 4.727.575.984 |
| Cộng | 231.183.592.790 | 15.249.868.433 | 212.884.712.446 | 15.249.868.433 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6b Phải thu dài hạn khác

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | - | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 68.438.889.198 | - | 52.993.570.086 | - |
| <i>Ký quỹ ký cược</i> | 68.438.889.198 | - | 52.993.570.086 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust | 35.081.953.030 | - | 25.886.206.000 | - |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 13.964.384.000 | - | 14.830.560.000 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease | 8.373.087.672 | - | 2.724.087.672 | - |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM | 4.864.500.000 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 6.154.964.496 | - | 9.552.716.414 | - |
| Cộng | 68.438.889.198 | - | 52.993.570.086 | - |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

0312
CÔNG
CHÍNH
TỔNG
HỢP
TP.

7. Nợ xấu

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi (*) | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi (*) |
| Các bên liên quan | 40.171.939.083 | 19.805.265.703 | 11.878.702.365 | - |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> | 40.171.939.083 | 19.805.265.703 | 11.878.702.365 | - |
| - Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông | 11.878.702.365 | - | 11.878.702.365 | - |
| - Công ty CP BOT 38 | 28.293.236.718 | 19.805.265.703 | - | - |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 158.003.695.597 | 28.935.307.268 | 157.953.053.597 | 31.724.262.924 |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> | 112.677.084.186 | 11.692.752.446 | 112.677.084.186 | 13.431.703.943 |
| - Công ty CP Licogi 166 | 17.280.389.518 | - | 17.280.389.518 | - |
| - Tổng công ty Licogi – CTCP | 23.912.630.783 | 5.732.616.706 | 23.912.630.783 | 5.732.616.706 |
| - Các khách hàng khác | 71.484.063.885 | 5.960.135.740 | 71.484.063.885 | 7.699.087.237 |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của khoản trả trước cho người bán ngắn hạn</i> | 17.747.387.765 | 8.049.618.000 | 17.696.745.765 | 9.099.622.159 |
| - Nguyễn Hữu Dũng | 4.987.870.552 | 3.008.935.276 | 4.987.870.552 | 3.008.935.276 |
| - Công ty Đại Lộc Phát | 4.681.479.667 | 911.981.735 | 4.681.479.667 | 911.981.735 |
| - Các nhà cung cấp khác | 8.078.037.546 | 4.128.700.989 | 8.027.395.546 | 5.178.705.148 |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của khoản cho vay</i> | 3.136.418.391 | - | 3.136.418.391 | - |
| - Công ty Cổ Phần Licogi 16.1 | 3.136.418.391 | - | 3.136.418.391 | - |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của khoản tạm ứng</i> | 201.429.269 | - | 201.429.269 | - |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của khoản phải thu khác</i> | 24.241.375.986 | 9.192.936.822 | 24.241.375.986 | 9.192.936.822 |
| - Công ty CP Licogi 166 | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| - Công ty CP Licogi 16 M&C | 9.855.891.968 | - | 9.855.891.968 | - |
| - Các đối tượng khác | 12.385.484.018 | 9.192.936.822 | 12.385.484.018 | 9.192.936.822 |
| Cộng | 198.175.634.680 | 48.740.572.971 | 169.831.755.962 | 31.724.262.924 |

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| Chi tiết | Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn | Nợ phải thu, cho vay dài hạn | Cộng |
|----------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | (138.107.493.038) | - | (138.107.493.038) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (11.327.568.671) | - | (11.327.568.671) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - | - |
| Số cuối kỳ | (149.435.061.709) | - | (149.435.061.709) |

8. Hàng tồn kho

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 55.015.605.399 | - | 35.871.241.751 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 663.170.791 | - | 94.459.256 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 1.602.385.162.861 | (32.419.003.564) | 1.262.612.917.203 | (24.218.418.453) |
| Thành phẩm | 9.028.853.705 | - | - | - |
| Hàng hóa | 27.543.795.644 | - | 30.199.993.428 | - |
| Cộng | 1.694.636.588.400 | (32.419.003.564) | 1.328.778.611.638 | (24.218.418.453) |

Trong đó:

- Công ty không có Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Một số quyền sử dụng đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Long Tân được sử dụng để thế chấp đảm bảo khoản vay (xem thuyết minh V.21).

Chi tiết chi phí XDKD dở dang:

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Chi phí dở dang tại các công trình thi công xây lắp | 1.504.050.439.809 | 1.164.125.802.781 |
| Cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn | 191.079.978.413 | 209.379.184.429 |
| Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng | 39.953.050.084 | 35.254.608.990 |
| Đường Vành đai 4 - Hưng Yên | 120.075.310.629 | 9.086.296.061 |
| Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên | 86.522.560.793 | 88.952.328.254 |
| Cao Tốc QL45 - Nghi Sơn | 170.817.394.623 | 191.665.887.847 |
| Điện gió Chợ Long | 42.561.781.674 | 37.261.999.974 |
| Điện gió Hòa Đông 2 | 46.826.009.960 | 54.953.799.024 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| <i>Chi tiết</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cao tốc Vân Phong Nha Trang | 452.567.542.659 | 186.545.969.404 |
| Các công trình khác | 353.646.810.974 | 351.025.728.798 |
| <i>Bất động sản dở dang</i> | 98.334.723.052 | 98.487.114.422 |
| Khu dân cư Long Tân | 64.087.474.402 | 63.628.572.076 |
| Khu dân cư Bảo Lộc 3.4ha | 34.247.248.650 | 34.858.542.346 |
| Cộng | 1.602.385.162.861 | 1.262.612.917.203 |

9. Chi phí trả trước dài hạn

| <i>Chi tiết</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 1.217.674.860 | 650.973.839 |
| Chi phí thuê mặt bằng | 644.583.333 | 433.333.333 |
| Chi phí bảo lãnh | 10.971.021.768 | 13.831.469.271 |
| Chi phí khai thác mỏ đất | 9.542.802.478 | 12.122.239.404 |
| Chi phí khác | 14.476.702 | 14.476.702 |
| Cộng | 22.390.559.141 | 27.052.492.549 |

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|-------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 27.052.492.549 | 24.766.621 |
| Tăng trong kỳ | 14.222.201.187 | 27.320.381.185 |
| Phân bổ trong kỳ | (18.884.134.595) | (8.060.428.928) |
| Số cuối kỳ | 22.390.559.141 | 19.284.718.878 |

10. Tài sản cố định hữu hình

| Chỉ tiêu | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | TSCĐ khác | Cộng |
|---------------------------------------|-------------------|--|--------------------------|----------------|-----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| 1. Số đầu năm | 372.218.737.736 | 149.133.106.655 | 1.772.124.910 | 12.354.347.496 | 535.478.316.797 |
| 2. Tăng trong kỳ | 6.026.019.360 | 2.453.703.705 | - | - | 8.479.723.065 |
| <i>Mua mới</i> | 6.026.019.360 | 2.453.703.705 | - | - | 8.479.723.065 |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 378.244.757.096 | 151.586.810.360 | 1.772.124.910 | 12.354.347.496 | 543.958.039.862 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 77.440.088.780 | 56.836.216.671 | 1.644.924.909 | 1.646.555.746 | 137.567.786.106 |
| II. Giá trị hao mòn | | | | | |
| 1. Số đầu năm | 289.286.139.192 | 121.722.926.571 | 1.692.145.730 | 3.405.953.287 | 416.107.164.780 |
| 2. Tăng trong kỳ | 19.859.840.294 | 5.908.541.127 | 15.813.115 | 569.348.222 | 26.353.542.758 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | 19.859.840.294 | 5.908.541.127 | 15.813.115 | 569.348.222 | 26.353.542.758 |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 309.145.979.486 | 127.631.467.698 | 1.707.958.845 | 3.975.301.509 | 442.460.707.538 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 82.932.598.544 | 27.410.180.084 | 79.979.180 | 8.948.394.209 | 119.371.152.017 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | 69.098.777.610 | 23.955.342.662 | 64.166.065 | 8.379.045.987 | 101.497.332.324 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 3.035.968.819 VND (xem thuyết minh V.21).
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

| Chỉ tiêu | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|--|------------------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số đầu năm | 298.036.357.527 | 49.052.788.806 | 347.089.146.333 |
| 2. Tăng trong kỳ | 136.984.980.200 | 5.790.958.548 | 142.775.938.748 |
| <i>Thuê tài chính trong kỳ</i> | <i>136.984.980.200</i> | <i>5.790.958.548</i> | <i>142.775.938.748</i> |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 435.021.337.727 | 54.843.747.354 | 489.865.085.081 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| II. Giá trị hao mòn | | | |
| 1. Số đầu năm | 77.660.447.389 | 12.633.493.754 | 90.293.941.143 |
| 2. Tăng trong kỳ | 29.609.830.821 | 4.971.269.994 | 34.581.100.815 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | <i>29.609.830.821</i> | <i>4.971.269.994</i> | <i>34.581.100.815</i> |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 107.270.278.210 | 17.604.763.748 | 124.875.041.958 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 220.375.910.138 | 36.419.295.052 | 256.795.205.190 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | 327.751.059.517 | 37.238.983.606 | 364.990.043.123 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Công ty không phát sinh tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

Thời gian thuê của các tài sản cố định thuê tài chính là 48 tháng và Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

1281
 CÔNG
 VIỆC
 VÀ
 JÁN
 P. H

12. Tài sản cố định vô hình

| Chỉ tiêu | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|----------------|
| I. Nguyên giá | | |
| 1. Số đầu năm | 10.254.240.000 | 10.254.240.000 |
| 2. Tăng trong kỳ | - | - |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 10.254.240.000 | 10.254.240.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 10.254.240.000 | 10.254.240.000 |
| II. Giá trị hao mòn | | |
| 1. Số đầu năm | 10.254.240.000 | 10.254.240.000 |
| 2. Tăng trong kỳ | - | - |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 10.254.240.000 | 10.254.240.000 |
| III. Giá trị còn lại | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | - | - |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | - | - |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - |

Trong đó:

- Công ty không có tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo khoản vay.
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| Chi tiết | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 73.693.179.703 | - | - | 73.693.179.703 |
| Trường Cao đẳng nghề KHUD Licogi | 73.693.179.703 | - | - | 73.693.179.703 |
| Cộng | 73.693.179.703 | - | - | 73.693.179.703 |

Công ty không có công trình xây dựng dở dang được sử dụng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay.
 Công ty không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| <i>Chi tiết</i> | Số đầu năm | Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------------|-----------------------|---|-----------------------|
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 48.524.000 | (7.263.100) | 41.260.900 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 27.621.498.608 | 2.265.513.734 | 29.887.012.342 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 4.843.683.691 | 1.640.117.022 | 6.483.800.713 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.767.391.599 | (249.666.409) | 1.517.725.190 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | (507.865.972) | 507.865.972 | - |
| Cộng | 33.773.231.926 | 4.156.567.219 | 37.929.799.145 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| <i>Chi tiết</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 108.180.177.774 | 98.976.772.958 |
| Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Lizen | 46.498.064.589 | 45.053.122.909 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 | 974.993.078 | 884.993.078 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | 60.707.120.107 | 53.038.656.971 |
| Phải trả nhà cung cấp khác | 663.581.390.447 | 604.865.858.803 |
| Công ty CP Điện lực Licogi 16 | 87.592.941.342 | 94.056.015.063 |
| Công ty CP Tập đoàn IPC | 35.770.047.681 | 35.770.047.681 |
| Công ty CP ĐT Xây dựng ĐMA | 34.095.640.746 | 34.514.225.695 |
| Các nhà cung cấp khác | 506.122.760.678 | 440.525.570.364 |
| Cộng | 771.761.568.221 | 703.842.631.761 |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <i>Người mua trả trước là các bên liên quan</i> | 158.945.025.869 | 114.667.036.749 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | 1.495.538.329 | 4.884.740.165 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 | 82.087.742.140 | 34.420.551.184 |
| Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc | 74.400.000.000 | 74.400.000.000 |
| Tăng Quốc Thuộc | 961.745.400 | 961.745.400 |
| <i>Người mua trả trước là nhà cung cấp khác</i> | 1.109.109.106.354 | 1.335.367.576.763 |
| Sở GTVT Hưng Yên | 494.662.649.444 | 502.637.283.052 |
| Ban quản lý dự án 7 | 243.594.903.505 | 427.866.677.795 |
| Ban quản lý dự án 6 | 85.162.559.581 | 115.273.931.281 |
| Các khách hàng khác | 285.688.993.824 | 289.589.684.635 |
| Cộng | 1.268.054.132.223 | 1.450.034.613.512 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 11.905.591 | - | - | - | 11.905.591 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 36.933.380.958 | 18.230.112.304 | - | - | 55.163.493.262 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 3.408.908.247 | 3.604.183.237 | (3.432.742.085) | - | 3.580.349.399 |
| Thuế nhà thầu | - | 830.818.255 | - | - | - | 830.818.255 |
| Thuế tài nguyên | - | - | 4.756.034.500 | (4.756.034.500) | - | - |
| Lệ phí môn bài | - | - | 6.000.000 | (6.000.000) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 1.556.042.404 | 7.248.176.376 | (7.248.176.376) | - | 1.556.042.404 |
| Cộng | - | 42.741.055.455 | 33.844.506.417 | (15.442.952.961) | - | 61.142.608.911 |

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

18. Phải trả người lao động

| <i>Chi tiết</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương phải trả | 12.937.604.173 | 12.452.771.666 |
| Tiền thưởng phải trả | - | - |
| Cộng | 12.937.604.173 | 12.452.771.666 |

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| <i>Chi tiết</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí trích trước các công trình xây dựng | 145.400.498.260 | 218.577.452.242 |
| Chi phí lương tháng 13 | 14.188.204.954 | 17.810.143.823 |
| Chi phí lãi vay | 682.894.981 | 560.216.655 |
| Chi phí phải trả khác | 4.140.603.704 | 4.244.307.407 |
| Cộng | 164.412.201.899 | 241.192.120.127 |

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

| <i>Chi tiết</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 15.716.080.088 | 2.528.582.575 |
| <i>Lãi vay phải trả</i> | <i>15.716.080.088</i> | <i>2.528.582.575</i> |
| - Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc | 3.294.558.247 | 2.528.582.575 |
| - Công ty CP Đầu tư Tiện ích Licogi 16 | 11.322.811.107 | - |
| - Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | 1.098.710.734 | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 157.773.721.547 | 159.089.398.276 |
| Tài sản thừa chờ xử lý | 111.098.227.425 | 111.098.227.425 |
| BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ | 944.829.966 | 994.547.506 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 569.026.315 | 673.241.790 |
| Phải trả thù lao HĐQT, BKS | 7.588.625.948 | 7.836.957.995 |
| Lãi vay phải trả | 1.068.524.731 | 1.068.524.731 |
| Các khoản phải trả khác | 36.504.487.162 | 37.417.898.829 |
| Cộng | 173.489.801.635 | 161.617.980.851 |

20b. Phải trả dài hạn khác

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | 11.119.236.592 |
| Lãi vay phải trả | - | 11.119.236.592 |
| - Công ty CP Đầu tư Tiện ích Licogi 16 | - | 10.065.753.576 |
| - Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | - | 1.053.483.016 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 883.000.000 | 1.123.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 883.000.000 | 1.123.000.000 |
| - Công ty KT XD Thiết Giang Sơn | 600.000.000 | 740.000.000 |
| - Công ty TNHH An Phúc Lâm Đồng | 160.000.000 | 160.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 123.000.000 | 223.000.000 |
| Cộng | 883.000.000 | 12.242.236.592 |

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 111.111.667.282 | 111.111.667.282 | 72.626.625.246 | 72.626.625.246 |
| Công ty CP ĐT Tiện ích Licogi 16 ⁽¹⁾ | 50.330.000.000 | 50.330.000.000 | - | - |
| Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc ⁽²⁾ | 48.005.000.000 | 48.005.000.000 | 48.005.000.000 | 48.005.000.000 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 ⁽³⁾ | 7.256.196.011 | 7.256.196.011 | 19.101.153.975 | 19.101.153.975 |
| Công ty CP BOT 38 | 5.520.471.271 | 5.520.471.271 | 5.520.471.271 | 5.520.471.271 |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 708.092.522.831 | 707.134.158.879 | 509.347.065.763 | 508.388.701.811 |
| Vay ngắn hạn | 593.001.759.343 | 592.043.395.391 | 423.386.809.833 | 422.428.445.881 |
| Vay tổ chức tín dụng | 592.043.395.391 | 592.043.395.391 | 420.010.882.458 | 420.010.882.458 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM ⁽⁴⁾ | 271.059.588.726 | 271.059.588.726 | 147.926.181.530 | 147.926.181.530 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn ⁽⁵⁾ | 320.983.806.665 | 320.983.806.665 | 272.084.700.928 | 272.084.700.928 |

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay từ các cá nhân ⁽⁶⁾ | 958.363.952 | 958.363.952 | 3.375.927.375 | 3.375.927.375 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.21b) | 1.353.205.476 | 1.353.205.476 | 1.863.205.476 | 1.863.205.476 |
| - Tiên Phong Bank - CN HCM | 1.353.205.476 | 1.353.205.476 | 1.863.205.476 | 1.863.205.476 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn phải trả (xem thuyết minh V.21b) | 113.737.558.012 | 113.737.558.012 | 84.097.050.454 | 84.097.050.454 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust | 58.014.610.032 | 58.014.610.032 | 47.121.056.664 | 47.121.056.664 |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 22.642.110.180 | 22.642.110.180 | 20.082.009.540 | 20.082.009.540 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease | 14.672.030.800 | 14.672.030.800 | 6.025.152.250 | 6.025.152.250 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 10.868.832.000 | 10.868.832.000 | 10.868.832.000 | 10.868.832.000 |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM | 7.539.975.000 | 7.539.975.000 | - | - |
| Cộng | 819.204.190.113 | 819.204.190.113 | 581.973.691.009 | 581.973.691.009 |

⁽¹⁾ Công ty CP ĐT Tiện ích Licogi 16

Các Hợp đồng vay để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay 12 tháng và hình thức vay tín chấp. Chi tiết như sau :

| STT | Số hợp đồng và phụ lục | Ngày Hợp đồng và phụ lục | Lãi suất | Ngày đến hạn | Số tiền |
|-----|--------------------------------------|--------------------------|----------|--------------|----------------|
| 1 | Số 01/18-LCU Phụ lục 03 | 13/2/2018 29/6/2022 | 5% | 31/12/2024 | 9.830.000.000 |
| 2 | Số 14/20-LCU phụ lục số 01 | 29/4/2020 29/6/2022 | 5% | 31/12/2024 | 10.000.000.000 |
| 3 | số 16/20-LCU phụ lục số 01 | 19/6/2020 29/6/2022 | 5% | 31/12/2024 | 500.000.000 |
| 4 | Số 18/20-LCU phụ lục 01 | 29/7/2020 29/6/2022 | 5% | 31/12/2024 | 6.500.000.000 |
| 5 | Số 19/20-LCU Phụ lục số 01 | 19/9/2020 29/6/2022 | 5% | 31/12/2024 | 3.500.000.000 |
| 6 | Số 20/HĐ-LCU-BGD.20 phụ lục số 01 | 31/12/2020 29/6/2022 | 5% | 31/12/2024 | 15.000.000.000 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | | | |
|---|--------------------------------------|-------------------------|--|--|-----------------------|
| 7 | Số 21/HĐ-LCU-BGD.21 phụ lục số 01 | 03/02/2021 29/6/2022 | | | 5.000.000.000 |
| | Cộng | | | | 50.330.000.000 |

(2) Công ty CP Điện mặt trời Chu Ngọc (ECN)

Hợp đồng vay vốn số 06/HĐ-ECN-BGD-22 ngày 25 tháng 05 năm 2022

- Số tiền vay: 50.000.000.000 VND
- Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 48.005.000.000 VND
- Thời hạn vay: 01 tháng
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lãi suất: 3,2%/năm
- Tài sản đảm bảo: tín chấp

(3) Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 (LCE)

Hợp đồng vay vốn số 02/HĐ-LCE-BGD-23 ngày 07 tháng 04 năm 2023 và Phụ lục 01 ngày 05 tháng 5 năm 2023

- Số tiền vay: 10.000.000.000 VND
- Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 7.256.196.011 VND
- Thời hạn vay: đến ngày 30 tháng 6 năm 2025
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lãi suất: 3,2%/năm
- Tài sản đảm bảo: tín chấp

(4) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - Chi nhánh TP.HCM

Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 249/2023.HDTD/HCM

- Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000.000 đồng
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ
- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo:

+ Quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp bao gồm 10 lô đất tại địa chỉ: xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 23/2009/HĐTC-CB.HCM ngày 22/07/2009 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13/23/2009/HĐTC-CB.HCM ngày 08/09/2020 (xem thuyết minh mục số V.8);

+ Quyền sử dụng đất (theo thực tế và/hoặc thay đổi trong tương lai nếu có) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp bao gồm 44 lô đất tại địa chỉ: xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 21-05.14/HĐTC/TPBANK.HCM ngày 22/05/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/21-05.14/HĐTC/TPBank.HCM ngày 28/02/2022 (xem thuyết minh mục số V.8);

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

+ Quyền đòi nợ từ hợp đồng BN/2021/XL2 ký ngày 22/06/2021 với Ban Quản lý dự án số 2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng đối với quyền đòi nợ hình thành trong tương lai) số 184/2021/HDDDB/HCM/03 ngày 07/01/2022 (xem thuyết minh mục số V.3);

+ Quyền đòi nợ từ hợp đồng 133/2023/HĐ-TCXD ngày 29/10/2023 với Sở Giao thông vận tải Hưng Yên theo Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng đối với quyền đòi nợ hình thành trong tương lai) số 166/2023/HDDDB/HCM ngày 04/12/2023 (xem thuyết minh mục số V.3).

(9) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sài Gòn

▪ Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 650/2023/95893/HĐTD ngày 06 tháng 04 năm 2023 và hợp đồng cấp tín dụng số 1239/2024/95893/HĐTD ngày 10 tháng 07 năm 2024

- Hạn mức tín dụng: 600.000.000 đồng

- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng (ngoài 2 công trình thi công đường cao tốc Bắc - Nam đoạn Km600+700 – Km624+228,79 (Vũng Áng - Bùng) và Km337+500 (Vân Phong - Nha Trang))

- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/04/2025

- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ

- Tài sản đảm bảo:

+ Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa cho hạn mức chung với giá trị 2.797.463.487 đồng (xem thuyết minh mục số V.1);

+ Quyền sử dụng đất bao gồm 8 lô đất tại địa chỉ xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1777/2020/95893/HĐBĐ ngày 09/09/2020 (xem thuyết minh mục số V.8).

▪ Khoản cho vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 651/2023/95893/HĐTD ngày 06 tháng 4 năm 2023

- Hạn mức tín dụng: 797.000.000 đồng

- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ thi công Công trình đoạn Vũng Áng- Bùng thuộc dự án Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 theo Hợp đồng thi công số XL02/2022/HĐXD.VA-B ký ngày 24/12/2022 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng kèm theo (nếu có) ký giữa BQL DA 6 và Liên danh Công ty CP ĐT và XD Giao thông Phương Thành - Công ty CP Lizen và toàn bộ phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng kèm theo về việc thi công gói thầu XL02: Thi công xây dựng đoạn Km600+700 – Km624+228,79 (bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025

- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22/11/2025

- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ

- Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thi công xây lắp (bao gồm nhưng không giới hạn quyền đòi nợ giá trị xây lắp hoàn thành và quyền tài sản giá trị xây lắp chưa hoàn thành) của Công ty CP Lizen phát sinh theo hợp đồng số XL02/2022/HĐXD.VA-B ký ngày 24/12/2022 và các PL sửa đổi, bổ sung hợp đồng kèm theo (nếu có) ký giữa BQL DA 6 và Liên danh Công ty CP ĐT XD Giao thông Phương Thành - Công ty CP Lizen về việc thi công gói thầu XL02: Thi công xây dựng đoạn Km600+700 – Km624+228,79 (bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (xem thuyết minh mục số V.3).

▪ Khoản cho vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 652/2023/95893/HĐTD ngày 06 tháng 4 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

- Hạn mức tín dụng: 1.989.000.000 đồng
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ thi công Công trình đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc dự án Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2023/HĐXD-B7 ngày 15/01/2023 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) ký giữa BQL dự án 7 và Liên danh Công ty CP Lizen - Công ty CPĐT và XD Giao thông Phương Thành - Công ty CP Hải Đăng - Công ty CPĐT XD Kỹ thuật VNCN E&C và toàn bộ phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng kèm theo về việc thi công gói thầu XL01: Thi công xây dựng đoạn Km285+00 – Km337+500 (bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) dự án thành phần đoạn Vân Phong Nha Trang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22/11/2025
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thi công xây lắp (bao gồm nhưng không giới hạn quyền đòi nợ giá trị xây lắp hoàn thành và quyền tài sản giá trị xây lắp chưa hoàn thành) của Công ty CP Lizen phát sinh theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 09/2023/HĐXD-B7 ký ngày 15/01/2023 ký giữa BQL DA 7 và Liên danh Công ty CP Lizen - Công ty CPĐT và XD Giao thông Phương Thành - Công ty CP Hải Đăng - Công ty CPĐT và Kỹ thuật VNCN E&C về việc thi công gói thầu XL01: Thi công xây dựng đoạn Km285+00 – Km337+500 (bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) dự án thành phần đoạn Vân Phong Nha Trang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (xem thuyết minh mục số V.3).

⁽⁶⁾ Các khoản vay cá nhân

Là các khoản vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 9,5%, không có tài sản đảm bảo.

330312
CÔNG
TÁCH NH
ỀM TOÁN
CHƯA
5 - TP

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 244 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| Chi tiết | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Tăng khác | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|------------------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 72.626.625.246 | - | 50.330.000.000 | (11.844.957.964) | 111.111.667.282 |
| Công ty CP ĐT Tiện ích Licogi 16 | - | - | 50.330.000.000 | - | 50.330.000.000 |
| Công ty CP Điện mặt trời Chư Ngọc | 48.005.000.000 | - | - | - | 48.005.000.000 |
| Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 | 19.101.153.975 | - | - | (11.844.957.964) | 7.256.196.011 |
| Công ty CP BOT 38 | 5.520.471.271 | - | - | - | 5.520.471.271 |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 509.347.065.763 | 747.384.442.099 | - | (548.638.985.031) | 708.092.522.831 |
| Vay ngắn hạn | 423.386.809.833 | 674.972.459.251 | - | (505.357.509.741) | 593.001.759.343 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 420.010.882.458 | 674.972.459.251 | - | (502.939.946.318) | 592.043.395.391 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM | 147.926.181.530 | 294.506.552.903 | - | (171.373.145.707) | 271.059.588.726 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn | 272.084.700.928 | 380.465.906.348 | - | (331.566.800.611) | 320.983.806.665 |
| Vay từ các cá nhân | 3.375.927.375 | - | - | (2.417.563.423) | 958.363.952 |
| - Dương Văn Việt | 740.000.000 | - | - | - | 740.000.000 |
| - Hoàng Thị Thu Hiền | 210.000.000 | - | - | - | 210.000.000 |
| - Nguyễn Thanh Tú | 8.363.952 | - | - | - | 8.363.952 |
| - Bùi Thanh Tùng | 2.417.563.423 | - | - | (2.417.563.423) | - |
| Vay dài hạn đến hạn phải trả | 1.863.205.476 | 676.602.738 | - | (1.186.602.738) | 1.353.205.476 |
| - Tiên Phong Bank - CN HCM | 1.863.205.476 | 676.602.738 | - | (1.186.602.738) | 1.353.205.476 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| Chi tiết | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Tăng khác | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------|------------------------|
| Thuê tài chính đến hạn phải trả | 84.097.050.454 | 71.735.380.110 | - | (42.094.872.552) | 113.737.558.012 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust | 47.121.056.664 | 34.454.081.700 | - | (23.560.528.332) | 58.014.610.032 |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 20.082.009.540 | 12.601.105.410 | - | (10.041.004.770) | 22.642.110.180 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease | 6.025.152.250 | 11.705.802.000 | - | (3.058.923.450) | 14.672.030.800 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 10.868.832.000 | 5.434.416.000 | - | (5.434.416.000) | 10.868.832.000 |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM | - | 7.539.975.000 | - | - | 7.539.975.000 |
| Cộng | 581.973.691.009 | 747.384.442.099 | 50.330.000.000 | (560.483.942.995) | 819.204.190.113 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ



21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn phải trả các bên liên quan | - | - | 50.500.000.000 | 50.500.000.000 |
| Công ty CP ĐT Tiện ích Licogi 16 | - | - | 50.500.000.000 | 50.500.000.000 |
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 201.043.904.872 | 201.043.904.872 | 151.904.397.901 | 151.904.397.901 |
| Vay tổ chức tín dụng | 563.835.636 | 563.835.636 | 1.240.438.374 | 1.240.438.374 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM ⁽¹⁾ | 563.835.636 | 563.835.636 | 1.240.438.374 | 1.240.438.374 |
| Nợ thuê tài chính | 200.480.069.236 | 200.480.069.236 | 150.663.959.527 | 150.663.959.527 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust ⁽²⁾ | 78.362.032.868 | 78.362.032.868 | 62.185.860.577 | 62.185.860.577 |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽³⁾ | 42.105.393.448 | 42.105.393.448 | 44.679.438.030 | 44.679.438.030 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ⁽⁴⁾ | 35.608.474.238 | 35.608.474.238 | 16.221.563.738 | 16.221.563.738 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽⁵⁾ | 22.142.681.182 | 22.142.681.182 | 27.577.097.182 | 27.577.097.182 |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM ⁽⁶⁾ | 22.261.487.500 | 22.261.487.500 | - | - |
| Cộng | 201.043.904.872 | 201.043.904.872 | 202.404.397.901 | 202.404.397.901 |

⁽¹⁾ **Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM**

Khoản cho vay theo kế ước nhận nợ số 265/2019/GNN/HCM/01 ngày 05/11/2019

- Số tiền vay: 8.232.000.000 VND
- Thời hạn vay: 72 tháng
- Mục đích vay: mua sắm xe ô tô
- Lãi suất: 11%/năm
- Tài sản đảm bảo: Xe ô tô nhãn hiệu Lexus LX570 51H-059.81 (xem thuyết minh mục số V.10)

⁽²⁾ **Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust**

Các Hợp đồng cho thuê tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian thuê 48 tháng và lãi suất theo hợp đồng. Chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| STT | Số hợp đồng | Ngày | Số tiền | Biện pháp bảo đảm, ký cược | Tài sản thuê |
|-----|------------------------|------------|----------------|----------------------------|---|
| 1 | 21821000062/ HĐCTTC | 22/3/2021 | 47.640.000.000 | 7.146.000.000 | - 2 Xe đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số loại ZX330-5G, xuất xứ Indonesia, năm sản xuất 2018-2019, chất lượng mới 100% - 2 Xe đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số loại ZX330-5G, xuất xứ Indonesia, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% - 2 Máy đào bánh lốp, nhãn hiệu Doosan, số loại DX190WA, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2020, chất lượng mới 100% - 7 Máy ủi, nhãn hiệu Komatsu, số loại D39EX-22, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% |
| 2 | 21821000141/ HĐCTTC | 25/5/2021 | 4.670.000.000 | 809.200.000 | 1 Xe đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số loại ZX350H-5G, xuất xứ Indonesia, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% |
| 3 | 21821000148/ HĐCTTC | 25/5/2021 | 935.000.000 | 185.950.000 | 1 Xe ô tô xi téc chở dầu, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY EX8 GT S2, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100%, xuất xứ Italia |
| 4 | 21821000230/ HĐCTTC | 12/07/2021 | 12.176.000.000 | 2.069.920.000 | 2 Máy ủi, nhãn hiệu Komatsu, số loại D39EX-22, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% 1 Máy ủi nhãn hiệu Komatsu, số loại D65EX-16, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% |
| 5 | 21821000231/ HĐCTTC | 12/07/2021 | 14.280.000.000 | 2.427.600.000 | 3 Xe đào bánh xích nhãn hiệu Hitachi, số loại ZX350H-5G, xuất xứ Indonesia, năm sản xuất 2021, mới 100% |
| 6 | 21821000232/ HĐCTTC | 12/07/2021 | 16.416.000.000 | 2.790.720.000 | 2 Máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số loại ZX330-5G, xuất xứ Indonesia, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% 2 Máy ủi nhãn hiệu Komatsu, số loại D39EX-22, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất 2021, chất lượng mới 100% |
| 7 | 21822000523/ HĐCTTC | 12/12/2022 | 10.460.000.000 | 1.778.200.000 | 1 Máy lu rung 1 bánh sắt công suất 100kW.2300rpm, nhãn hiệu HAMM, mẫu 3412, xuất xứ Đức, năm sản xuất 2022, trần mái che, mới 100% 3 Xe lu trống đơn mái che nhãn hiệu HAMM, mã kiểu loại 3414, năm sản xuất 2022, xuất xứ Đức, mới 100% |
| 8 | 21823000086/ HĐCTTC | 20/03/2023 | 28.101.000.000 | 2.958.000.000 | 9 Xe lu rung nhãn hiệu HAMM, mã kiểu loại 3412, xuất xứ Đức, năm sản xuất 2022-2023, mới 100% 3 Xe lu rung nhãn hiệu HAMM, mã kiểu |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | | | |
|----|------------------------|------------|----------------|---------------|--|
| | | | | | loại 3414, xuất xứ Đức, năm sản xuất 2022-2023, mới 100% |
| 9 | 21823000092/ HĐCTTC | 29/03/2023 | 40.802.652.000 | 4.295.016.000 | 10 Xe đào bánh xích, nhãn hiệu Kobelco, mã kiểu loại SK330-10, xuất xứ Thái Lan, năm sản xuất 2022, mới 100% |
| 10 | 21823000091/ HĐCTTC | 20/04/2023 | 5.111.000.000 | 538.000.000 | 2 Xe lu rung nhãn hiệu HAMM, mã kiểu loại 3414, xuất xứ Đức, năm sản xuất 2022-2023, chất lượng mới 100% |
| 11 | 2182400018/ HĐCTTC | 15/01/2024 | 11.741.760.000 | 1.956.960.000 | 1 hệ thống dây chuyền nghiền sàng đá 350 tấn/giờ, năm sản xuất 2023, mới 100%. |
| 12 | 21824000047/ HĐCTTC | 01/02/2024 | 14.337.000.000 | 2.389.500.000 | 5 Máy ủi, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại D39EX-22, năm sản xuất 2022, xuất xứ Nhật Bản, mới 100% |
| 13 | 21824000048/ HĐCTTC | 01/02/2024 | 15.867.657.540 | 2.644.609.590 | 2 Máy đào bánh xích, nhãn hiệu Kobelco, mã kiểu loại SK330-10, năm sản xuất 2022, xuất xứ Thái Lan, mới 100% 3 Máy đào bánh xích, nhãn hiệu Kobelco, mã kiểu loại SK250-10, năm sản xuất 2023, xuất xứ Thái Lan, mới 100% |
| 14 | 21824000102/ HĐCTTC | 11/03/2024 | 7.493.264.640 | 1.248.877.440 | 2 Máy đào bánh xích, nhãn hiệu Kobelco, mã kiểu loại SK330-10, năm sản xuất 2022, xuất xứ Thái Lan, mới 100% |
| 15 | 21824000103/ HĐCTTC | 11/03/2024 | 5.734.800.000 | 955.800.000 | 2 Máy ủi, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại D39EX-22, năm sản xuất 2022, xuất xứ Nhật Bản, mới 100% |

(3) Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam

Các Hợp đồng cho thuê tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian thuê 48 tháng và lãi suất theo hợp đồng. Chi tiết như sau:

| STT | Số hợp đồng | Ngày | Số tiền | Biện pháp bảo đảm, ký cược | Tài sản thuê |
|-----|-------------|------------|----------------|----------------------------|--|
| 1 | 2022-00062 | 08/04/2022 | 10.400.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 6 Xe tải tự đổ, hiệu Howo, Model ZZ3317N3267E1, mới 100%, sản xuất năm 2022, xuất xứ Trung Quốc |
| 2 | 2022-00063 | 19/04/2022 | 1.940.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 2 Xe lu rung hiệu HAMM, model 311, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2017, xuất xứ Ấn Độ |
| 3 | 2022-00101 | 16/09/2022 | 17.200.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 10 Xe tải tự đổ, hiệu Howo, Model ZZ3317N3267E1, mới 100%, sản xuất năm 2022, xuất xứ Trung Quốc |
| 4 | 2023-00061 | 29/03/2023 | 4.195.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 1 Bộ trạm trộn bê tông 120m ³ /h, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2022 |
| 5 | 2023-00062 | 31/3/2023 | 4.270.000.000 | Ký cược 15% giá mua | Trạm trộn bê tông 120m ³ /h, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam năm 2022 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | | | |
|---|----------------|------------|----------------|---------------------|--|
| 6 | 2023-00155 | 13/07/2023 | 34.208.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 8 Xe lu rung 1 bánh sắt, nhãn hiệu HAMM, model 3412, mới 100%, năm sản xuất 2022-2023, xuất xứ Đức 6 Xe lu trống đơn mái che, nhãn hiệu HAMM, model 3414, mới 100%, năm sản xuất 2022-2023, xuất xứ Đức |
| 7 | 2023-00216-000 | 22/09/2023 | 13.230.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 1 Bộ dây chuyền nghiền sàng đá 350 tấn/h, mới 100%, năm sản xuất 2023, lắp ráp tại Việt Nam |
| 8 | 2024-00058-000 | 14/05/2023 | 6.650.000.000 | Ký cược 15% giá mua | 1 Máy rải bên tông nhựa, hiệu Vogele, model Super 1880L, năm sản xuất 2023, mới 100%, xuất xứ Trung Quốc |
| 9 | 2024-00082-000 | 20/05/2024 | 4.755.560.000 | Ký cược 15% giá mua | 4 Xe trộn bê tông, hiệu FAW Zoomlion, model 12JBJ, năm sản xuất 2022, mới 100%, xuất xứ Trung Quốc |

(4) Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease

Các Hợp đồng cho thuê tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian thuê 48 tháng và lãi suất theo hợp đồng. Chi tiết như sau:

| STT | Số hợp đồng | Ngày | Số tiền | Biện pháp bảo đảm, ký cược | Tài sản thuê |
|-----|-------------|------------|----------------|----------------------------|--|
| 1 | B2311006803 | 01/12/2023 | 5.070.000.000 | 608.400.000 | 1 Máy xúc lật bánh lốp, hiệu XCMG 2 Máy xúc lật bánh lốp, hiệu XCMG |
| 2 | B231034003 | 14/12/2023 | 17.630.730.600 | 2.115.687.672 | 2 Máy đào bánh xích, hiệu Kobelco, model SK330-10 3 Máy đào bánh xích, hiệu Kobelco, model SK250-10 |
| 3 | B231146703 | 30/12/2023 | 18.500.000.000 | 2.775.000.000 | 1 Xe lu rung, hiệu HAMM, mã kiểu loại HC129, xuất xứ Ấn Độ, năm sản xuất 2023 |
| 4 | B231244303 | 02/01/2024 | 5.800.000.000 | 870.000.000 | 2 Máy đào bánh lốp, hiệu Hyundai, model: R180W-9S |
| 5 | B240309401 | 28/03/2024 | 1.060.000.000 | 159.000.000 | 1 Ổ tô đầu kéo, hiệu FAW, model CA4250P25K15T1E5A80 |
| 6 | B240307403 | 28/03/2024 | 6.100.000.000 | 915.000.000 | 1 Máy khoan cọc nhồi, hiệu Sany, model SR285R |
| 7 | B240314203 | 27/05/2024 | 6.200.000.000 | 930.000.000 | 1 Máy khoan cọc nhồi, hiệu Sany, Model SR360R |

8175
IG TY
EM HƯ
VÀ T
N VI
HỒ

Công ty Cổ phần Lizen
Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

(5) Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Các Hợp đồng cho thuê tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian thuê 48 tháng và lãi suất theo hợp đồng. Chi tiết như sau:

| STT | Số hợp đồng | Ngày | Số tiền | Biện pháp bảo đảm, ký cược | Tài sản thuê |
|-----|----------------------|------------|----------------|----------------------------|---|
| 1 | 01.059/2023/TSC-CTTC | 21/03/2023 | 1.410.000.000 | 56.400.000 | 2 Ô tô xi téc phun nước, nhãn hiệu DONGFENG, xuất xứ Trung Quốc, năm sản xuất: 2023, chất lượng mới 100%. |
| 2 | 01.074/2023/TSC-CTTC | 21/04/2023 | 3.450.000.000 | 138.000.000 | 3 Ô tô trộn bê tông, nhãn hiệu XCMG, Model XGA5250GJBN5, xuất xứ Trung Quốc, năm sản xuất: 2019, chất lượng mới 100%. |
| 3 | 01.075/2023/TSC-CTTC | 21/04/2023 | 2.440.000.000 | 97.600.000 | 2 Xúc lật, nhãn hiệu XCMG, Model LW500FN, xuất xứ Trung Quốc, năm sản xuất: 2023, chất lượng mới 100%. |
| 4 | 01.078/2023/TSC-CTTC | 24/04/2023 | 16.500.000.000 | 825.000.000 | 5 Máy ủi, nhãn hiệu Komatsu, model D39EX-22, xuất xứ Nhật Bản, nhà sản xuất Komatsu, năm sản xuất 2022-2023, chất lượng mới 100% |
| 5 | 01.080/2023/TSC-CTTC | 26/04/2023 | 1.460.000.000 | 73.000.000 | 2 Ô tô xi téc (chở xăng), chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2023 tại Việt Nam. |
| 6 | 01.083/2023/TSC-CTTC | 30/05/2023 | 5.500.000.000 | 220.000.000 | 5 Ô tô trộn bê tông, nhãn hiệu XCMG, Model: XGA5250GJBN5, nước sản xuất Trung Quốc, chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2019. |
| 7 | 01.084/2023/TSC-CTTC | 30/05/2023 | 733.000.000 | 36.650.000 | 1 Ô tô tải (Pickup cabin kép), nhãn hiệu FORD, tên thương mại RANGER, mã kiểu loại TRABCH2P0C3CXEL1, chất lượng mới 100%, loại hình lắp ráp: CKD, đóng tại Việt Nam, năm xuất xưởng 2023. |
| 8 | 01.093/2023/TSC-CTTC | 20/06/2023 | 5.900.000.000 | 250.750.000 | 2 Máy đào bánh lốp, tên thương mại: DX190WA, nước sản xuất: Korea, năm sản xuất: 2023, chất lượng mới 100%. |
| 9 | 01.097/2023/TSC-CTTC | 21/06/2023 | 2.115.000.000 | 86.400.000 | 3 Ô tô xi téc phun nước, nhãn hiệu DONGFENG, xuất xứ Trung Quốc, chất lượng mới 100%, trong đó 2 chiếc sản xuất năm 2023, 1 chiếc sản xuất năm 2022. |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | | | |
|----|----------------------|------------|---------------|-------------|---|
| 10 | 01.098/2023/TSC-CTTC | 01/08/2023 | 5.773.090.910 | 235.200.000 | 2 Cần cầu XCMG SQS400-5 lắp trên xe nền DONGFENG Trung Quốc, năm sản xuất: 2023, chất lượng mới 100%, lắp ráp hoàn thiện tại Việt Nam. |
| 11 | 01.123/2023/TSC-CTTC | 09/08/2023 | 1.384.363.636 | 235.200.000 | 2 Ô tô xi téc phun nước, nhãn hiệu DONGFENG, xuất xứ Trung Quốc, chất lượng mới 100%, năm sản xuất 2023. |
| 12 | 01.137/2023/TSC-CTTC | 30/08/2023 | 1.657.800.000 | 66.312.000 | 1 Máy san, nhãn hiệu: Changlin, mã kiểu loại: C-GD555, tên thương mại: C-GD555, nước sản xuất: Trung Quốc, năm sản xuất: 2023, chất lượng mới 100%. |
| 13 | 01.142/2023/TSC-CTTC | 30/08/2023 | 1.120.000.000 | 44.800.000 | 1 Máy xúc lật bánh lốp, nhãn hiệu XCMG mã kiểu loại LW500FN, xuất xứ Trung Quốc, năm sản xuất 2023, chất lượng mới 100% |

⁽⁶⁾ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM

Các Hợp đồng cho thuê tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian thuê 48 tháng và lãi suất theo hợp đồng. Chi tiết như sau:

| STT | Số hợp đồng | Ngày | Số tiền | Biện pháp bảo đảm, ký cược | Tài sản thuê |
|-----|---------------|------------|----------------|----------------------------|--|
| 1 | 64.24.10/CTTC | 09/05/2024 | 17.205.000.000 | 2.775.000.000 | 10 Xe lu rung 1 bánh sắt hiệu HAMM, model:HC129, xuất xứ Ấn Độ, chất lượng mới 100% |
| 2 | 64.24.20/CTTC | 18/06/2024 | 12.954.900.000 | 2.089.500.000 | 1 Cần trục bánh xích (55 tấn), nhãn hiệu Kobelco, xuất xứ Nhật Bản, model 7055-3F, năm sản xuất 2014, chất lượng đã qua sử dụng 1 Cần trục bánh xích (55 tấn), nhãn hiệu Kobelco, xuất xứ Nhật Bản, model 7055-3F, năm sản xuất 2016, chất lượng đã qua sử dụng |

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm |
|--|------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | 1.917.041.112 | 1.353.205.476 | 563.835.636 | - |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM | 1.917.041.112 | 1.353.205.476 | 563.835.636 | - |
| <i>Nợ thuê tài chính</i> | 314.217.627.248 | 113.737.558.012 | 200.480.069.236 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust | 136.376.642.900 | 58.014.610.032 | 78.362.032.868 | - |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 64.747.503.628 | 22.642.110.180 | 42.105.393.448 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease | 50.280.505.038 | 14.672.030.800 | 35.608.474.238 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 33.011.513.182 | 10.868.832.000 | 22.142.681.182 | - |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM | 29.801.462.500 | 7.539.975.000 | 22.261.487.500 | - |
| Cộng | 316.134.668.360 | 115.090.763.488 | 201.043.904.872 | - |
| Số đầu năm | | | | |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | 3.103.643.850 | 1.863.205.476 | 1.240.438.374 | - |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM | 3.103.643.850 | 1.863.205.476 | 1.240.438.374 | - |
| <i>Nợ thuê tài chính</i> | 234.761.009.981 | 84.097.050.454 | 150.663.959.527 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust | 109.306.917.241 | 47.121.056.664 | 62.185.860.577 | - |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 64.761.447.570 | 20.082.009.540 | 44.679.438.030 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease | 22.246.715.988 | 6.025.152.250 | 16.221.563.738 | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 38.445.929.182 | 10.868.832.000 | 27.577.097.182 | - |
| Cộng | 237.864.653.831 | 85.960.255.930 | 151.904.397.901 | - |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen
Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| Chi tiết | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan | 50.500.000.000 | - | (170.000.000) | - | (50.330.000.000) | - |
| Công ty CP ĐT Tiên ích Licogi 16 | 50.500.000.000 | - | (170.000.000) | - | (50.330.000.000) | - |
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 151.904.397.901 | 142.800.540.200 | (21.249.050.381) | (72.411.982.848) | - | 201.043.904.872 |
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.240.438.374 | - | - | (676.602.738) | - | 563.835.636 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank - CN TP HCM | 1.240.438.374 | - | - | (676.602.738) | - | 563.835.636 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 150.663.959.527 | 142.800.540.200 | (21.249.050.381) | (71.735.380.110) | - | 200.480.069.236 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust | 62.185.860.577 | 61.304.980.200 | (10.674.726.209) | (34.454.081.700) | - | 78.362.032.868 |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 44.679.438.030 | 11.405.560.000 | (1.378.499.172) | (12.601.105.410) | - | 42.105.393.448 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease | 16.221.563.738 | 37.660.000.000 | (6.567.287.500) | (11.705.802.000) | - | 35.608.474.238 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 27.577.097.182 | - | - | (5.434.416.000) | - | 22.142.681.182 |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM | - | 32.430.000.000 | (2.628.537.500) | (7.539.975.000) | - | 22.261.487.500 |
| Cộng | 202.404.397.901 | 142.800.540.200 | (21.419.050.381) | (72.411.982.848) | (50.330.000.000) | 201.043.904.872 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng trợ cấp thôi việc.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| <i>Chi tiết</i> | Số đầu năm | Phân phối lợi nhuận trong kỳ | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------------|-----------------------|---|-----------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 40.465.221.547 | 4.144.584.849 | (1.650.600.000) | 42.959.206.396 |
| Quỹ phúc lợi | 15.136.958.785 | 1.036.146.213 | (3.473.580.000) | 12.699.524.998 |
| Quỹ thưởng ban quản lý điều hành | 3.111.767.079 | - | - | 3.111.767.079 |
| Cộng | 58.713.947.411 | 5.180.731.062 | (5.124.180.000) | 58.770.498.473 |

3175
G TY
M NH
VÀ T
V VI
HỒ C

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Chi tiêu | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------------|------------------------|----------------------|------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số dư đầu năm trước | 1.916.411.700.000 | 93.686.603.494 | (18.771.380.000) | 119.204.302.363 | 455.359.659.686 | 2.565.890.885.543 |
| Tăng trong năm trước | - | - | - | - | 114.355.940.199 | 114.355.940.199 |
| Giảm trong năm trước | - | - | - | - | (142.350.318.519) | (142.350.318.519) |
| Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay | 1.916.411.700.000 | 93.686.603.494 | (18.771.380.000) | 119.204.302.363 | 427.365.281.366 | 2.537.896.507.223 |
| Tăng trong kỳ | 34.500.000.000 | (211.000.000) | - | - | 50.575.257.149 | 84.864.257.149 |
| Tăng vốn trong kỳ | 34.500.000.000 | (211.000.000) | - | - | - | 34.289.000.000 |
| Tăng từ lợi nhuận | - | - | - | - | 50.575.257.149 | 50.575.257.149 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | (5.180.731.062) | (5.180.731.062) |
| Phân phối trong kỳ (*) | - | - | - | - | (5.180.731.062) | (5.180.731.062) |
| Số dư cuối kỳ | 1.950.911.700.000 | 93.475.603.494 | (18.771.380.000) | 119.204.302.363 | 472.759.807.453 | 2.617.580.033.310 |

(*) Lợi nhuận phân phối trong kỳ, Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-LIZEN-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024.

24b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

| Chi tiết | Tỷ lệ | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa | 5,01% | 97.825.060.000 | 97.825.060.000 |
| Cổ đông khác | 94,99% | 1.853.086.640.000 | 1.818.586.640.000 |
| Cộng | 100,00% | 1.950.911.700.000 | 1.916.411.700.000 |

24c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 1.916.411.700.000 | 1.916.411.700.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | 34.500.000.000 | - |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 1.950.911.700.000 | 1.916.411.700.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*) | - | 132.748.582.400 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-LIZEN-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024, cổ tức được chia là 96.545.416.000 VND. Công ty thực hiện chi trả cổ tức 2023 theo Thông báo số 1293/TB-SGDHCM ngày 09 tháng 7 năm 2024, tỷ lệ thực hiện 5%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng), ngày thanh toán là ngày 10 tháng 9 năm 2024.

24d. Cổ phiếu

| Chi tiết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 195.091.170 | 191.641.170 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 195.091.170 | 191.641.170 |
| Cổ phiếu phổ thông | 195.091.170 | 191.641.170 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 193.090.832 | 189.640.832 |
| Cổ phiếu phổ thông | 193.090.832 | 189.640.832 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | 2.000.338 | 2.000.338 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.000.338 | 2.000.338 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |



24e. Cổ tức

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | | 06 tháng đầu năm 2023 | |
|--|-----------------------|-------------|-----------------------|-----------------|
| | | | | |
| - Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ | | 104.215.475 | | 132.748.582.400 |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông | | 104.215.475 | | 132.748.582.400 |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi | | - | | - |
| - Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán | | - | | - |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông | | - | | - |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi | | - | | - |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận | | - | | - |

24f. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bỏ sung vốn điều lệ cho Công ty.

24g. Phân phối lợi nhuận

| | | |
|--|-----------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | | 427.365.281.366 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 50.575.257.149 |
| Phân phối trong kỳ: | | (5.180.731.062) |
| <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | (5.180.731.062) | |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | | 472.759.807.453 |

Lợi nhuận phân phối trong kỳ, Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-LIZEN-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| Chi tiết | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------|-------------------------|--------|--------------|--------|
| | Gốc ngoại tệ | VND | Gốc ngoại tệ | VND |
| | Ngoại tệ các loại (USD) | 101,71 | 2.117.394 | 101,71 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu từ hoạt động xây dựng | 1.010.353.538.878 | 548.385.784.489 |
| Doanh thu từ hoạt động bất động sản | 1.090.676.943 | 81.277.783.677 |
| Doanh thu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác | 22.704.605.413 | 61.278.560.246 |
| Cộng | 1.034.148.821.234 | 690.942.128.412 |

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Công ty CP ĐT Năng lượng tái tạo Licogi 16 | 34.735.572.804 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 | 4.381.081.780 | - |
| Cộng | 39.116.654.584 | - |

2. Giá vốn hàng bán

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 907.762.602.563 | 477.457.418.155 |
| Giá vốn hoạt động bất động sản | 654.406.167 | 70.406.513.682 |
| Giá vốn kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác | 19.927.437.934 | 58.664.363.068 |
| Cộng | 928.344.446.664 | 606.528.294.905 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay | 2.457.581.379 | 5.302.865.252 |
| Lãi chậm thanh toán | 29.591.019.568 | - |
| Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư | - | 5.903.640.000 |
| Cộng | 32.048.600.947 | 11.206.505.252 |

4. Chi phí tài chính

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác | 3.631.974.197 | 2.893.430.363 |
| Chi phí lãi vay | 28.938.397.378 | 24.136.446.344 |
| Chi phí chậm thanh toán | 3.551.299.108 | - |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 61.426.186 | 1.542.678.770 |
| Cộng | 36.183.096.869 | 28.572.555.477 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|--------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 16.438.971.326 | 14.842.430.717 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 155.468.695 | 153.207.783 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 678.612.173 | 731.046.836 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.000.000 | 4.000.000 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 11.327.568.671 | 440.258.464 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.294.823.312 | 7.421.751.393 |
| Các chi phí khác | 458.284.952 | 230.618.629 |
| Cộng | 38.358.729.129 | 23.823.313.822 |

6. Thu nhập khác

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng | 1.000.000.000 | - |
| Thu nhập từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 214.868.847 | 4.051.573.339 |
| Thu nhập từ bồi thường | 232.170.880 | - |
| Thu nhập khác | 162.018.516 | 868.855.209 |
| Cộng | 1.609.058.243 | 4.920.428.548 |

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|--------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Chi phí bảo lãnh | 171.893.564 | 13.330.880 |
| Chi phí truy thu, phạt chậm nộp thuế | 99.511.964 | 261.310 |
| Chi phí khác | - | 3.563.991 |
| Cộng | 271.405.528 | 17.156.181 |

8. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|--|----------------------------------|----------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 64.648.802.234 | 48.127.741.827 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 26.501.759.286 | 5.341.669.387 |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i> | 26.786.406.833 | 5.449.623.977 |
| Chi phí không được trừ | 4.619.411.229 | 3.467.213.513 |
| Truy thu, phạt chậm nộp thuế | 99.511.964 | - |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 11.327.568.671 | 440.258.464 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 8.200.585.111 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm trước | 2.539.329.858 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm nay | - | 1.542.152.000 |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i> | (284.647.547) | (107.954.590) |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | (36.315.500) | - |
| Chi phí thù lao HĐQT, BKS | (248.332.047) | - |
| Chi phí khấu hao | - | (107.954.590) |
| Thu nhập chịu thuế | 91.150.561.520 | 53.469.411.214 |
| Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 91.150.561.520 | 53.469.411.214 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 18.230.112.304 | 10.693.882.243 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (4.156.567.219) | (985.617.248) |
| Cộng | (4.156.567.219) | (985.617.248) |

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên Báo cáo tổng hợp của Công ty Cổ phần Lizen vì đây là Công ty mẹ. Theo Khoản 3.19 và 3.20 Điều 113 Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, chỉ tiêu này sẽ trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| <i>Chi tiết</i> | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 971.021.831.906 | 403.852.522.991 |
| Chi phí nhân công | 91.818.359.922 | 36.837.927.367 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 60.934.643.573 | 49.069.978.671 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 362.540.910.467 | 196.597.990.791 |
| Chi phí khác | 11.785.853.623 | 670.877.093 |
| Cộng | 1.498.101.599.491 | 687.029.296.913 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty có các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng (xem thuyết minh V.1 và V.2a).

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường (xem thuyết minh số V.21).

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường (xem thuyết minh số V.21).

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê máy móc thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| Chi tiết | 6 tháng đầu năm 2024 | 6 tháng đầu năm 2023 |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | - | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | - | - |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | - | - |

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 0 VND (năm trước là 0 VND).

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

| Chi tiết | 6 tháng đầu năm 2024 | 6 tháng đầu năm 2023 |
|---|----------------------|----------------------|
| Lương và Thù lao Hội đồng quản trị | 1.296.420.000 | 1.110.000.000 |
| Bùi Dương Hùng | 516.420.000 | 450.000.000 |
| Tăng Quốc Thuộc | 420.000.000 | 390.000.000 |
| Nguyễn Văn Nghĩa | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Phan Ngọc Hiếu | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Dương Kim Ngọc | 90.000.000 | - |
| Budiman Satrio Sudono Liem | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Ngân sách hoạt động cho HĐQT, người quản trị Công ty, ban thư ký | 865.580.000 | 211.327.000 |
| Lương thưởng Ban Tổng Giám đốc | 2.207.000.000 | 1.500.000.000 |
| Tổng Giám Đốc | 720.000.000 | 600.000.000 |
| Thành viên còn lại Ban Tổng Giám đốc | 1.487.000.000 | 900.000.000 |
| Cộng | 4.369.000.000 | 2.821.327.000 |

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban Điều hành.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai | Công ty sở hữu 11.862.396 cổ phần (trương đơng 96,64% vốn điều lệ) |
| Công ty CP Cơ khí XD TM Đại Dũng | Công ty liên quan Ông Phan Ngọc Hiếu – Thành viên HDQT |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty liên quan Ông Phan Ngọc Hiếu – Thành viên HDQT |
| Công ty CP Cơ điện Miền Trung | Công ty liên quan Ông Phan Ngọc Hiếu – Thành viên HDQT |
| Công ty TNHH TM XD Vận tải Thanh Long | Công ty liên quan Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Thành viên HDQT |
| Công ty CP Cơ khí XD Amecc | Công ty liên quan Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Thành viên HDQT |
| Công ty CP AMECC GT | Công ty liên quan Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Thành viên HDQT |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| Chi tiết | 06 tháng đầu năm 2024 | 06 tháng đầu năm 2023 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai</i> | | |
| Cho vay | 10.120.000.000 | 7.355.967.302 |
| Thu hồi các khoản cho vay | 4.700.000.000 | - |
| Lãi cho vay phải thu | 447.418.123 | 185.770.995 |

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

8175
 IG TY
 ỆM HỮU
 VÀ TI
 N VI
 HỒ

Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí lãi vay vốn hoá

Công ty không phát sinh chi phí vốn hoá lãi vay.

6. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Chi tiết | Hoạt động xây dựng | Hoạt động bất động sản | Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|---|------------------------|
| 6 tháng đầu năm 2024 | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.010.353.538.878 | 1.090.676.943 | 22.704.605.413 | 1.034.148.821.234 |
| Giá vốn hàng bán | 907.762.602.563 | 654.406.167 | 19.927.437.934 | 928.344.446.664 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 102.590.936.315 | 436.270.776 | 2.777.167.479 | 105.804.374.570 |
| 6 tháng đầu năm 2023 | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 548.385.784.489 | 81.277.783.677 | 61.278.560.246 | 690.942.128.412 |
| Giá vốn hàng bán | 477.457.418.155 | 70.406.513.682 | 58.664.363.068 | 606.528.294.905 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 70.928.366.334 | 10.871.269.995 | 2.614.197.178 | 84.413.833.507 |

6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay và nợ thuê tài chính (xem thuyết minh số V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính đã được thuyết minh tại V.1, V.2, V.8 và V.10.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.



Công ty Cổ phần Lizen

Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng

- Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số 335/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết.
- Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty CP Lizen, Công ty CP Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 và Ông Bùi Dương Hùng sẽ chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP ĐT Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai cho Công ty CP SP Việt Nam Miền Nam, Công ty CP SP Hồ Chí Minh và Công ty CP SP Việt Nam Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 297.570.000.000 VND. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước ngày 30 tháng 9 năm 2024. Chi phí hủy hợp đồng (nếu có) với số tiền 73.120.000.000 VND (Xem thuyết minh V.2a).
- Nghị quyết số 08/NQ-LIZEN-HĐQT ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc thông qua chủ trương dừng đầu tư, lên kế hoạch thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư tiện ích LICOGI 16 và Dự án Nhà máy nước Đông Nam Quảng Trị của Công ty CP Cấp nước Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHAN ANH HUY

ĐỖ VĂN HƯỞNG

CAO NGỌC PHƯƠNG

